TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải; Ông Đặng Song Hoàn.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-7-2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-HPT ngày 19-8-2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: 1 đường số B, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: H N, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Lê Hoàng L trước khi cưới có tìm hiểu gần 1 năm thì bà có bầu và thời gian đó đang có dịch covid; bà và ông L bàn bạc với nhau về Vũng Tàu để xây dựng cuộc sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố V ngày 15/12/2021.

Sinh con bà về nhà bố mẹ đẻ, sau đó con cứng cáp thì bà về sống cùng chồng tại số H N và tổ chức lễ cưới ngày 28/8/2022.

Vào khoảng tháng 02 năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì không đồng quan điểm sống, tính cách, vì giận bà mà ông L đã đấm vào mặt bà; bà thông báo cho gia đình hai bên được biết và ông L có viết bản cam kết ngày

06/02/2023 là chấm dứt hành vi làm tổn thương tinh thần và thể xác của bà nên bà đồng ý và vợ chồng hàn gắn gia đình.

Sau đó, ông L chấm dứt hành vi đánh bà nhưng do ông L làm nhân viên bán hàng nên thường xuyên phải giao thiệp, tiếp khách, không có thời gian dành cho vợ con. Đến tháng 03/2024, con ốm khoảng 1 tháng thì vợ chồng cùng chăm con, thời điểm này bà làm kế toán nên rất bận báo cáo thuế, ông L đi chơi 2 ngày với nhóm bạn. Bà có gọi điện bảo ông L về chăm con để bà đi làm nhưng ông L cũng không về, lúc về ông cũng không quan tâm vợ, chỉ chơi với con. Bà đọc tin nhắn thì mới biết ông L đi nhậu với bạn nên bà ném máy tính của ông L, ông L đánh bà và nói ở không được thì đi. Qua ngày hôm sau, ông L cũng không xin lỗi, bà và con chuyển ra ngoài sinh sống là tháng 04/2024. Do ông L không biết con ở đâu nên nhắn tin đòi đưa con về, có lời lẽ công kích bà, còn bản thân bà thì ông L không quan tâm. Khi tinh thần bà ổn định, bà có cho địa chỉ và ông L có lên thăm con, hai vợ chồng không bàn bạc hàn gắn gia đình.Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 4/2024 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà có yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:
Về hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Lê Hoàng L;

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 29/01/2022. Bà yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), sau đó bà tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tại lần hòa giải ngày 14/6/2024.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Lê Hoàng L trình bày: Lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn, thời gian, địa điểm kết hôn nêu trên là đúng

Ông và bà Trần Thị Thu T trước khi cưới có tìm hiểu gần 1 năm thì bà T có bầu và thời gian đó đang có dịch covid; ông và bà T bàn bạc với nhau về Vũng Tàu để xây dựng cuộc sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố V ngày 15/12/2021.

Sinh con vợ ông về nhà bố mẹ đẻ, sau đó con cứng cáp thì bà T về sống cùng chồng tại số H N và tổ chức lễ cưới ngày 28/8/2022.

Vào khoảng tháng 02 năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì không đồng quan điểm sống, tính cách của bà T lúc nóng giận là xưng mày tao, vì giận, ông đã tát vào mặt bà T; sau đó, ông thấy mình sai nên có viết bản cam kết ngày

06/02/2023 là chấm dứt hành vi làm tổn thương tinh thần và thể xác của bà T, vợ chồng hàn gắn gia đình.

Khi ông gặp trục trặc trong công việc, bà T lúc đó làm ra tiền hơn ông, bà T thường xuyên lôi chuyện cũ ra nói, thường xuyên có lời lẽ khó nghe đối với ông.Ngoài ra, bà T sống không hòa thuận với gia đình nhà ông. ông đứng ở giữa rất mệt cộng với công việc ở bên ngoài gặp khó khăn làm ông thấy áp lực, ông có chia sẻ với bà T, bà T có thay đổi xong lại như cũ, cố chấp.

Đến tháng 03/2024, con ốm khoảng 1 tháng thì vợ chồng cùng chăm con, ông có đi công việc 2 ngày. Bà T có gọi điện với lời lẽ lớn tiếng thiếu tôn trọng ông nên ông giận ông không về ngay mà ông về muộn. Khi về do ông còn đang giận nên ông chơi với con, không quan tâm bà T. Bà T ném máy tính của ông, ông bực mình có đánh bà T.

Đến tháng 4/2024 bà T và con chuyển ra ngoài sinh sống. Ông đã tìm mọi cách liên lạc để biết con ở đâu, ông có nhắn tin cho bà T mà bà T không trả lời, ông cũng đến tận Gia Lai chỗ nhà bố mẹ đẻ của T để hỏi tin tức của hai mẹ con. Khoảng tháng 6/2024, ông biết địa chỉ do bà T cung cấp, ông có lên thăm con, ông cũng muốn hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả.

Nay trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Thu T, ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà T vì hai vợ chồng khác xa quan điểm;

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 29/01/2022. Ông không đồng ý để bà T là người trực tiếp nuôi con, ông yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.Trường hợp Tòa án xét xử, giao con cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu tòa án cho bà được ly hôn với ông L. Về con chung bà yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), trường hợp ông L cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 2.000.000đ là bà đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hoàng L đồng ý ly hôn. Về con chung: ông không đồng ý bà T là người trực tiếp nuôi con chung, ông yêu cầu Tòa án cho ông được trực tiếp nuôi con chung, ông không yêu cầu bà T cấp đưỡng nuôi con chung. Trường hợp,

Tòa án giao con chung cho bà T nuôi dưỡng thì ông tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông L là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân từ tháng 4-2024 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt và bị đơn cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự. Về con chung do con chung dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giao cho chị T được trực tiếp nuôi con chung; về yêu cầu cấp dưỡng: ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng L, ông L cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Lê Hoàng L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 15/12/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Qua thời gian chung sống giữa bà T và ông L không còn hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt do không đồng quan điểm, đã ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay; bà T cho rằng do vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Ông L cũng thừa nhận vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thuận tình ly hôn. Xét việc bà T và ông L thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông L

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng:

Về con chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Lê Hoàng L xác nhận có 01 con chung tên Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 29/01/2022.

Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), sau đó bà T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tại lần hòa giải ngày 14/6/2024.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ.Về phía ông L không đồng ý cho bà T được nuôi con chung và yêu cầu tòa cho ông được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T là giao con

chung cho bà T nuôi thì ông L tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Xét việc bà T và ông L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và đều có điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng con chung của bà T và ông L là Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 29/01/2022 dưới 36 tháng tuổi nên Tòa án căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; ly hôn tòa án giao cho bà T được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 3.000.000đ, ông L xác nhận trong trường hợp, tòa án giao con cho bà T nuôi dưỡng thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ. Bà T đồng ý mức cấp dưỡng của ông L nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T phải nộp 300.000 đồng.

[4] Về án phí cấp dưỡng: người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền 300.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T đối với ông Lê Hoàng L về việc "ly hôn".

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu T và ông Lê Hoàng L;

[2].Về con chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Lê Hoàng L có 01 con chung tên Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 29/01/2022; bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 29/01/2022.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng: Ông Lê Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Lê Hoàng Nhã U mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tính từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc

của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Lê Hoàng L không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005564 ngày 22-4-2024 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố V. Bà T đã nộp xong án phí.

[6] Về án phí cấp dưỡng: Ông Lê Hoàng L phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- UBND phường 7, thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Thị Ngát